

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2021/HS-ST

Ngày: 31/3/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Yên Trinh**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Thành**

2. Ông **Huỳnh Kim Sơn**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Ngọc Thanh Tuyền** – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Long An tham gia phiên tòa:
Ông **Đỗ Ngọc Lợi** - Kiểm sát viên

Trong ngày 31 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 50/2020/TLST - HS ngày 22 tháng 12 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2021/QĐXXST - HS ngày 11 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2021/HSST – QĐ ngày 26 tháng 01 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Họ tên: **Lưu Văn H**; Tên gọi khác: Không có; Sinh năm: 1984; Nơi ĐKNKTT: ấp Nghĩa Chí, xã P, huyện G, tỉnh Tiền Giang; Chỗ ở: D8/48 Ấp 4, xã H, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Hòa Hảo; Con ông: Lưu Văn H₁, sinh năm 1955 và bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1955 (đã chết); Vợ: Đặng Hồng G, sinh năm 1987; Có 02 người con sinh năm 2007 và 2017.

- Tiền án: Tại bản án số 14/2020/HS-ST ngày 26/5/2020, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản”, chưa hết thời gian thử thách.

- Tiền sự: không.

- Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt tại phiên tòa).

2. Họ tên: **Đặng Hồng G**; Tên gọi khác: Út; Sinh ngày: 03/11/1987; Nơi ĐKNKTT: E22/65 Ấp 5, xã H, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: D8/48 Ấp 4, xã H, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; Giới tính: Nữ; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 06/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông: Trương Tiến M, sinh năm 1922 (đã chết) và bà Đặng Thị H, sinh năm 1955; Chồng: Lưu Văn H, sinh năm 1984; Có 02 người con sinh năm 2007 và 2017.

- Tiền án, tiền sự: Không.

- Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt tại phiên tòa).

*** Người bị hại:** Anh **Võ Quốc Tr**, sinh năm 1983

Địa chỉ: Ấp Long Ninh, xã L, huyện C, tỉnh Long An (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về hành vi của các bị cáo: Khoảng 05 giờ ngày 17/8/2020, Lưu Văn H điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 61D1 – 909.99 chở Đặng Hồng G (vợ của H) về nhà cha ruột của H ở xã P, huyện G, tỉnh Tiền Giang để xin gạo. Khi đi đến địa phận huyện C, tỉnh Long An, H nói với G là đến ngày trả tiền nhà trọ và mua sữa cho con mà không có tiền, đi tìm coi có ai để tài sản sơ hở thì lấy cắp và G đồng ý. Đến khoảng 06 giờ 40 phút cùng ngày, H điều khiển xe chạy theo Đường tỉnh 826B đến ấp Long Ninh, xã L, huyện C, tỉnh Long An, G nhìn thấy có một xe mô tô biển kiểm soát 59C2 – 557.07 của anh Võ Quốc Tr đang đậu ở cặp lề đường bên trái, không có người trông coi nên G nói với H có chiếc xe kia, coi có chìa khóa không. H chờ G chạy đến thấy xe có gắn sẵn chìa khóa trên ổ khóa xe nên H đậu xe lại. G bước xuống xe đi lại chỗ xe mô tô biển kiểm soát 59C2 – 557.07 dùng tay mở khóa, nổ máy và điều khiển xe chạy về hướng cầu Kinh Nước Mặn. Lúc này, anh Tr đang làm cỏ ở gần đó phát hiện tri hô thì có anh Trần Anh D điều khiển xe mô tô chạy đến chỗ anh Tr cùng truy đuổi theo và ông Võ Văn P đang bơm nước bên hông nhà nghe được tiếng tri hô thì gọi điện thoại báo cho Công an xã L biết và tổ chức chốt chặn bắt giữ được G cùng tang vật, còn H chạy thoát. Sau đó Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C mời H về làm việc và H đã khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Tại Bản kết luận về việc định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 60/KL-HĐĐGTS ngày 28/9/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C kết luận tổng giá trị tài sản của anh Võ Quốc Tr bị thiệt hại là 8.250.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo Lưu Văn H và Đặng Hồng G thừa nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Bị cáo H và bị cáo G khai: Do không có

tiền tiêu xài đóng tiền thuê nhà trọ và mua sữa cho con nên các bị cáo đã trộm tài sản của anh Tr để bán lấy tiền tiêu xài. Các bị cáo bị truy cứu về tội “Trộm cắp tài sản” là đúng, không oan sai. Bị cáo H và bị cáo G không có ý kiến về kết luận định giá tài sản và lời khai của người bị hại vắng mặt mà Hội đồng xét xử công bố tại phiên tòa. Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, các bị cáo tự nguyện khai báo, không có ai đe dọa, cưỡng ép.

Người bị hại anh Võ Quốc Tr có lời trình bày tại Cơ quan cảnh sát điều tra: phù hợp với lời khai nhận tội của các bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa. Tại Cơ quan cảnh sát điều tra anh Tr trình bày anh đã nhận lại tài sản nên không có yêu cầu gì thêm.

Sau khi được Hội đồng xét xử công bố lời khai của người bị hại, các bị cáo thừa nhận là phù hợp với hành vi của các bị cáo, không có ý kiến phản đối.

Bản Cáo trạng số 01/CT-VKSCĐ ngày 16/12/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Long An truy tố các bị cáo Lưu Văn H và Đặng Hồng G về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của các bị cáo Lưu Văn H và Đặng Hồng G đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”. Hành vi của các bị cáo xâm phạm đến tài sản của người bị hại, gây mất trật tự an toàn xã hội nên cần phải nghiêm trị. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo Lưu Văn H và Đặng Hồng G phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Lưu Văn H từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, n, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Đặng Hồng G từ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tính từ ngày tuyên án.

Đề nghị miễn hình phạt bổ sung theo khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự cho các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại không yêu cầu nên không đề cập.

Về xử lý vật chứng: Chiếc xe mô tô biển kiểm soát 61D1 – 909.99 hiện chưa xác minh được nguồn gốc, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C tiếp tục xác minh, xử lý sau là phù hợp.

Ý kiến của bị cáo về quyết định truy tố của Viện kiểm sát: Các bị cáo không có ý kiến tranh luận.

Trong lời nói sau cùng: Bị cáo Lưu Văn H đã ăn năn, hối lỗi về hành vi của mình và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để các bị cáo được sớm trở về với gia đình. Bị cáo G không nói lời sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng*: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện C, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Xét nội dung vụ án*: Các bị cáo Lưu Văn H và Đặng Hồng G thừa nhận hành vi trộm cắp tài sản ngày 17/8/2020, phù hợp với tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai, khách quan tại phiên tòa. Lợi dụng sự sơ hở của anh Tr mà các bị cáo đã lén lút chiếm đoạt 01 chiếc xe mô tô Honda Wave , màu xanh đen bạc, biển kiểm soát 59C2 – 557.07 của anh Võ Quốc Tr.

[2.1] Tại Kết luận định giá tài sản số 60/KL-HĐĐGTS ngày 28/9/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện C kết luận giá trị xe mô tô Honda Wave, màu xanh đen bạc, biển kiểm soát 59C2 – 557.07 là 8.250.000 đồng.

Hành vi của các bị cáo đã cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Hội đồng xét xử xét thấy truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Long An đối với các bị cáo là có căn cứ. Chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa, tuyên bố các bị cáo Lưu Văn H và Đặng Hồng G phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự quy định:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...

[2.2] *Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự*: Vào ngày 26/5/2020 bị cáo Lưu Văn H đã bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản” chưa được xóa án tích nên bị cáo H thuộc trường hợp tái phạm là tình tiết tăng nặng được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[2.3] *Xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*: Sau khi phạm tội, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thể hiện thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo G đang mang thai khi thực hiện hành vi phạm tội; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng thêm các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm i, n khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Ngoài ra tài sản đã được thu hồi trả lại cho người bị hại; các bị cáo còn 02 người con nhỏ cần có người chăm sóc và bị cáo G

có nhân thân tốt đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Vì vậy, cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo khi lượng hình như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[2.4] Xét hình phạt đối với các bị cáo:

Về hình phạt chính: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tài sản của người bị hại; tác động xấu đến nếp sống văn minh lành mạnh; gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Các bị cáo là một thanh niên có sức khỏe, đáng lẽ phải chăm chỉ lao động để phục vụ nhu cầu bản thân, chăm lo cho gia đình, góp phần ổn định xã hội, gìn giữ an ninh trật tự chung. Nhưng các bị cáo lại thực hiện những hành vi mà pháp luật nghiêm cấm, trái với các chuẩn mực đạo đức xã hội; các bị cáo muốn có tiền tiêu xài nhưng lười lao động; trộm cắp tài sản có được từ công sức lao động vất vả của người khác. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm mới đủ sức răn đe phòng ngừa chung, đảm bảo tính nghiêm minh công bằng của pháp luật; đồng thời giáo dục bị cáo thành người có ích cho gia đình và xã hội. Với tính chất hành vi, khả năng nhận thức của các bị cáo, mức độ hậu quả mà các bị cáo gây ra, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng hình phạt tù đối với các bị cáo như lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Đây là vụ án có đồng phạm nhưng là đồng phạm giản đơn. Tuy nhiên cũng phải phân tích vai trò của từng bị cáo để có mức án phù hợp. Trong vụ án, bị cáo H là người đề xuất, rủ rê và cảnh giới; bị cáo G là người thực hiện và bị cáo H thuộc trường hợp tái phạm nên hình phạt của bị cáo H phải cao hơn bị cáo G.

Đối với bị cáo H đã bị Tòa án nhân dân huyện C tuyên xử 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo chưa hết thời gian thử thách lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội nên bị cáo H phải chịu thêm hình phạt tù của bản án trước.

Đối với bị cáo G Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo có đủ các điều kiện được hưởng án treo theo quy định tại Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ – HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, có khả năng tự cải tạo và việc cho hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự nên áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo nhưng cho hưởng án treo.

[2.5] Xét hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có việc làm, không có thu nhập, có hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn nên miễn phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo như lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[2.6] Xét trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại toàn bộ tài sản và không yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về xử lý vật chứng: Đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát 61D1 – 909.99 các bị cáo dùng vào việc phạm tội hiện chưa xác minh được nguồn gốc nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C tiếp tục xác minh, xử lý sau là phù hợp.

[4] Về án phí: Bị cáo Lưu Văn H và bị cáo Đặng Hồng G phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng

hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Lưu Văn H và Đặng Hồng G phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1.1. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 56; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Lưu Văn H 01 (Một) năm tù. Tổng hợp hình phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo của Bản án số 14/2020/HS-ST ngày 26/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An. Buộc bị cáo Lưu Văn H chấp hành hình phạt chung là 01 năm 09 tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

1.2. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ – HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao:

Xử phạt bị cáo Đặng Hồng G 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 01 năm 06 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 31/3/2021.

Giao bị cáo Đặng Hồng G cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh theo dõi, giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo (bị cáo G) thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Pháp luật về Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo (bị cáo G) cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

1.3. Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo Lưu Văn H và Đặng Hồng G.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu,

nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc các bị cáo Lưu Văn H và Đặng Hồng G mỗi người phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm sung vào ngân sách nhà nước.

3. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự được quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tỉnh Long An;
- VKSND huyện C;
- CA huyện C;
- THA huyện C;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Yến Trinh

**CÁC THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

